

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4292	293	Ngô Thị Đà		00/00/1935	270250945	Tổ 5, ấp 1A	CT	300	1.500	
4293	294	Ngô Thị Hành		1933	270250948	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4294	295	Ngô Thị Lợi		01/01/1937	270265270	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4295	296	Ngô Thị Lự		1932		Hiện Đức	CT	300	1.500	
4296	297	Ngô Thị Nừ		01/01/1937	270246275	Tổ 7, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4297	298	Ngô Thị Nga		08/18/39	272567326	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4298	299	Nguyễn Công Minh		04/03/38		Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4299	300	Nguyễn Hà		03/25/40	270260475	Tổ 20, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4300	301	Nguyễn Hiếu Hồng		01/01/39	270210538	Tổ 1, Ấp 1A	CT	300	1.500	
4301	302	Nguyễn Ích		01/01/1937	270265439	Tổ 20, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4302	303	Nguyễn Kinh		01/01/30	271089670	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4303	304	Nguyễn Kinh		09/20/39	272063355	Tổ 8, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4304	305	Nguyễn Ngọc Anh		12/23/35	272876226	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4305	306	Nguyễn Ngọc Ân		00/00/1935	270631516	Tổ 5, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4306	307	Nguyễn Ngọc Diệp		10/19/35	271099047	Tổ 23, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4307	308	Nguyễn Quốc Đạt		01/01/40	271099047	Tổ 10, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4308	309	Nguyễn Thanh Phi		01/01/30		Ấp 1B	CT	300	1.500	
4309	310	Nguyễn Thanh Tông		00/00/1931	270254110	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4310	311	Nguyễn Thị Ba		01/01/34	272064363	Ấp 3	CT	300	1.500	
4311	312	Nguyễn Thị Ba		01/01/40	270260002	Tổ 2, Ấp 1A	CT	300	1.500	
4312	313	Nguyễn Thị Bé		06/02/29	272086826	Hiện Hòa	CT	300	1.500	
4313	314	Nguyễn Thị Biếu		01/01/1937	272062934	Tổ 3, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4314	315	Nguyễn Thị Bửu		1933	271079718	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4315	316	Nguyễn Thị Cảnh		1932	270260407	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4316	317	Nguyễn Thị Chia		00/00/1935	270260399	Tổ 11, Long Phú	CT	300	1.500	
4317	318	Nguyễn Thị Dài		01/01/39	270631576	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4318	319	Nguyễn Thị Em		01/01/38	270260533	Tổ 11, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4319	320	Nguyễn Thị Giàn		06/02/34	270250607	Tổ 4, ấp Hiện Đức	CT	300	1.500	
4320	321	Nguyễn Thị Hai		00/00/1935		Ấp 1A	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4321	322	Nguyễn Thị Hai		01/01/36	272350971	ấp 1B	CT	300	1.500	
4322	323	Nguyễn Thị Hào		02/07/40	272063378	Tổ 19, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4323	324	Nguyễn Thị Hạt		01/01/37	272101993	Tổ 2, Ấp 3	CT	300	1.500	
4324	325	Nguyễn Thị Hay		1922	270863350	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4325	326	Nguyễn Thị Hệ		01/01/28		Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4326	327	Nguyễn Thị Hùng		01/01/40	270245893	Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4327	328	Nguyễn Thị Hương		11/01/38	272657010	tổ 10, ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4328	329	Nguyễn Thị Keo		01/01/36	270260549	ấp 1B	CT	300	1.500	
4329	330	Nguyễn Thị Kiều Dung		01/01/38	272064215	Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4330	331	Nguyễn Thị Kim Liên		1933	271909300	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4331	332	Nguyễn Thị Kính		01/02/31	192436492	ấp 1B	CT	300	1.500	
4332	333	Nguyễn Thị Khai		01/01/28	271099220	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4333	334	Nguyễn Thị Là		01/01/1937	270250485	Tổ 2, Ấp Hiền Đức	CT	300	1.500	
4334	335	Nguyễn Thị Là		01/01/39	272628309	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4335	336	Nguyễn Thị Lan		01/01/38	270250890	Tổ 11, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4336	337	Nguyễn Thị Lanh		07/02/1937	271696360	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4337	338	Nguyễn Thị Lệ		01/01/39	270250915	Tổ 5, Ấp 1A	CT	300	1.500	
4338	339	Nguyễn Thị Lễ		01/01/1937	272063176	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4339	340	Nguyễn Thị Liễu		01/01/38	272063353	Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4340	341	Nguyễn Thị Lương		02/21/38	180377259	Tổ 6, ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4341	342	Nguyễn Thị Mai		05/30/25	270809511	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4342	343	Nguyễn Thị Mọn		01/01/1937	270263252	Ấp 1 B	CT	300	1.500	
4343	344	Nguyễn Thị Mơ		1924		Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4344	345	Nguyễn Thị Năm		02/01/28		ấp 1B	CT	300	1.500	
4345	346	Nguyễn Thị Neo		1920	270250857		CT	300	1.500	
4346	347	Nguyễn Thị Niêm		1929		Ấp 1B	CT	300	1.500	
4347	348	Nguyễn Thị Nong		01/01/26		Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4348	349	Nguyễn Thị Nữ		01/01/30		ấp 1B	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4349	350	Nguyễn Thị Nga		01/01/34	270250774	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4350	351	Nguyễn Thị Nga		03/08/35	020445550	Tổ 22, ấp 1C	CT	300	1.500	
4351	352	Nguyễn Thị Ngỏ		00/00/1935	270250906	ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4352	353	Nguyễn Thị Ngọc		1933	270265146	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4353	354	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/40	270250285	Tổ 2, Hiền Đức, Phước Thái	CT	300	1.500	
4354	355	Nguyễn Thị Phần		1930	024530977	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4355	356	Nguyễn Thị Quận		01/01/1937	270246458	Tổ 11, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4356	357	Nguyễn Thị Quê		01/01/39	270254315	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4357	358	Nguyễn Thị Sáng		01/01/39	272273519	Long Phú	CT	300	1.500	
4358	359	Nguyễn Thị Sơn		1922	161029852	ấp 3	CT	300	1.500	
4359	360	Nguyễn Thị Tẹo		03/10/30	160172393	ấp 3	CT	300	1.500	
4360	361	Nguyễn Thị To		00/00/1935	270250388	057 tổ 2, Hiền Đức	CT	300	1.500	
4361	362	Nguyễn Thị Tuyết		09/10/39	024553201	Tổ 3, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4362	363	Nguyễn Thị Tư		1924		ấp 1C	CT	300	1.500	
4363	364	Nguyễn Thị Tư		01/01/31	273171283	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4364	365	Nguyễn Thị Thê		1925	170757680	ấp 1C	CT	300	1.500	
4365	366	Nguyễn Thị Thơm		01/01/1937	271923384	Tổ 23, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4366	367	Nguyễn Thị Thu		06/10/38		22 Tổ 4, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4367	368	Nguyễn Thị Thu Anh		01/01/38	271089984	Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4368	369	Nguyễn Thị Thuý		03/05/38	27206512	669 tổ 12, ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4369	370	Nguyễn Thị Vân		00/00/1935		Tổ 2, Ấp 3	CT	300	1.500	
4370	371	Nguyễn Thị Xinh		01/01/40	270265366	Ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4371	372	Nguyễn Thị Yên		01/01/29	280298123	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4372	373	Nguyễn Trọng Thuận		08/02/38	272824593	Tổ 7, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4373	374	Nguyễn Văn Danh		01/01/31	310371620	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4374	375	Nguyễn Văn Duyên		01/01/40	272540811	Tổ 4, Ấp 3, Phước Thái	CT	300	1.500	
4375	376	Nguyễn Văn Hải		01/01/30	270265286	Long Phú	CT	300	1.500	
4376	377	Nguyễn Văn Hoàng		1936	270248010	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4377	378	Nguyễn Văn Lực	1933		270245870	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4378	379	Nguyễn Văn Năm	01/01/38		280748432	Tổ 2, Hiền Hòa, Phước Thái	CT	300	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4379	380	Nguyễn Văn Năng	01/07/34			Áp 1C	CT	300	1.500	
4380	381	Nguyễn Văn Ngọc	01/01/1937			Áp 1C	CT	300	1.500	
4381	382	Nguyễn Văn Tào	02/25/31		270547261	Long Phú	CT	300	1.500	
4382	383	Nguyễn Văn Thu	06/25/39		272063491	áp 1C	CT	300	1.500	
4383	384	Nguyễn Văn Trường	01/01/29		271395086	Long Phú	CT	300	1.500	
4384	385	Phạm Đức	1924		271095323	1B	CT	300	1.500	
4385	386	Phạm Kiên	12/01/36			Áp Long Phú,	CT	300	1.500	
4386	387	Phạm Thị Dung		00/00/1935	272107352	Tổ 13, áp 1C	CT	300	1.500	
4387	388	Phạm Thị Đồ		1933	130592158	Áp 3	CT	300	1.500	
4388	389	Phạm Thị Hoa		01/01/1937	270240030	Tổ 5, Áp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4389	390	Phạm Thị Mai Quế		01/01/38	270863133	Tổ 7, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4390	391	Phạm Thị Mát		01/01/40	271099251	422 Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4391	392	Phạm Thị Nay		02/20/28	271089997	áp 1B	CT	300	1.500	
4392	393	Phạm Thị Năm		00/00/1935	270250370	Tổ 6, Áp 1A	CT	300	1.500	
4393	394	Phạm Thị Ngân		01/01/36	270269419	Long Phú	CT	300	1.500	
4394	395	Phạm Thị Ngờ		01/16/38	272052734	Tổ 5, Áp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4395	396	Phạm Thị Quý		1924	272435849	Áp 1B	CT	300	1.500	
4396	397	Phạm Thị Tuệ		1933	150035383	Long Phú	CT	300	1.500	
4397	398	Phạm Thị Tho		01/01/34	160172467	Tổ 5, áp 3	CT	300	1.500	
4398	399	Phạm Thị Thuận		01/01/1937	272064188	Tổ 9, Áp Long Phú	CT	300	1.500	
4399	400	Phạm Thị Triêng		1933		Hiền Đức	CT	300	1.500	
4400	401	Phạm Thị Xuân Viên		05/19/33	271177520	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4401	402	Phạm Văn An	10/20/35		270254640	Long Phú	CT	300	1.500	
4402	403	Phạm Viết Tồn	05/02/29		270254431	áp 1C	CT	300	1.500	
4403	404	Phan Đình Huân	1922			áp 3	CT	300	1.500	
4404	405	Phan Thị Hòa		00/00/1935	272064267	Áp Long Phú	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4405	406	Phan Thị Hón		05/15/38	270260074	100 Tổ 2, ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4406	407	Sử Nhúc		01/01/40	271362951	Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4407	408	Tô Thị Mạnh		1933	270245703	Ấp 3	CT	300	1.500	
4408	409	Từ Bá Sơn	1933		270246568	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4409	410	Trang Văn Mão	01/01/37		334435782	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4410	411	Trần Công Điền	01/01/40		270631331	Tổ 8, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4411	412	Trần Danh Mẫn	00/00/1935		270632062	Tổ 11, ấp 1B	CT	300	1.500	
4412	413	Trần Đức Tòng	03/27/30			ấp 1C	CT	300	1.500	
4413	414	Trần Ngọc Trọng	01/01/30		272107444	Long Phú	CT	300	1.500	
4414	415	Trần Quang Huy	1932		270250580	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4415	416	Trần Quỳnh	24/01/1937		180377221	Tổ 6, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4416	417	Trần Tiêu	01/01/30		270250694	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4417	418	Trần Thanh Lâm	01/01/40		270259792	Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4418	419	Trần Thị Cúc		1933	270133732	Long Phú	CT	300	1.500	
4419	420	Trần Thị Cúc		02/21/36	272063591	Ấp 1C,	CT	300	1.500	
4420	421	Trần Thị Cúc		01/01/1937	272273094	Ấp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4421	422	Trần Thị Chuyên		04/08/38	160849427	Ấp 3, Phước Thái	CT	300	1.500	
4422	423	Trần Thị Lê		01/01/38	271177797	Tổ 23, ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4423	424	Trần Thị Loan		01/01/38	271099167	Tổ 8, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4424	425	Trần Thị Lùn		01/01/36	270254639	ấp 1B	CT	300	1.500	
4425	426	Trần Thị Lương		01/01/1937	270254639	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4426	427	Trần Thị Mão		1931	160947335	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4427	428	Trần Thị Nhị		01/01/34	270809157	Tổ 11, ấp 1B	CT	300	1.500	
4428	429	Trần Thị Quyên		01/01/35	270863298	Tổ 2, ấp 1C	CT	300	1.500	
4429	430	Trần Thị Ri		01/01/36	270260559	ấp 1B	CT	300	1.500	
4430	431	Trần Thị Suong		01/01/1937	70260142	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4431	432	Trần Thị Tuyết		11/29/36		Tổ 23, Ấp 1 C	CT	300	1.500	
4432	433	Trần Thị Tư		01/01/39	160130979	Tổ 11, Ấp 1B	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4433	434	Trần Thị Vong		1925	150475162	ấp 3	CT	300	1.500	
4434	435	Trần Văn Nghệ	02/08/38		270692649	Áp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4435	436	Trần Văn Vần	01/01/30		272274430	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4436	437	Trần Xuân Ru	01/01/30		270631334	Long Phú	CT	300	1.500	
4437	438	Trịnh Mỹ Hoa		01/01/40	270250760	Áp 3, Phước Thái	CT	300	1.500	
4438	439	Trịnh Thị Luốc		19/8/1936		Áp 1C	CT	300	1.500	
4439	440	Trương Công Tịnh	01/01/38		272063989	Tổ 1, Hiền Hòa, Phước Thái	CT	300	1.500	
4440	441	Trương Đăng Xá	00/00/1931		272063513	ấp 1C	CT	300	1.500	
4441	442	Trương Thị Ngát		00/00/1931	150199531	Áp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4442	443	Trương Văn Cười	01/01/30			ấp 1B	CT	300	1.500	
4443	444	Trương Văn Mục	01/01/40		272064426	Tổ 5, Hiền Đức, Phước Thái	CT	300	1.500	
4444	445	Võ Thị Bờ		1933	270260524	Áp 1B	CT	300	1.500	
4445	446	Võ Thị Chính		01/01/29	270265026	ấp 1B	CT	300	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4446	447	Võ Thị Dầu		00/00/1928		ấp 1B	CT	300	1.500	
4447	448	Võ Thị Đạo		05/10/39	180938610	Tổ 6, Áp 1B	CT	300	1.500	
4448	449	Võ Thị Tiềm		01/01/38	270260008	Áp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4449	450	Võ Thị Tuấn		03/20/39	270252257	Tổ 23, Áp 1C	CT	300	1.500	
4450	451	Võ Thị Túc		12/12/38		33 tổ 20, Áp 1C	CT	300	1.500	
4451	452	Võ Thị Thân		01/15/23	270259240	Long Phú	CT	300	1.500	
4452	453	Võ Thị Thế		01/01/1937		Tổ 2, Áp Hiền Đức	CT	300	1.500	
4453	454	Võ Thị Tròn		01/01/38	270250886	Áp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4454	455	Võ Văn Cu	01/01/39		270250914	Tổ 5, Áp 1A	CT	300	1.500	
4455	456	Võ Văn Đệ	00/00/1926			ấp 1B	CT	300	1.500	
4456	457	Vũ Bội Quân	01/01/34			Tổ 10, Long Phú	CT	300	1.500	
4457	458	Vũ Ngọc Ngoạn	01/01/36		271140843	ấp 3	CT	300	1.500	
4458	459	Vũ Thị Cừ		01/01/36	272063793	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4459	460	Vũ Thị Hào		1925		ấp 3	CT	300	1.500	
4460	461	Vũ Thị Kén		01/01/38	272063728	Tổ 6, áp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4461	462	Vũ Thị Lan		01/01/39	271140844	Tổ 1, Áp 3	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4462	463	Vũ Thị Lý		10/20/29	271344376	Long Phú	CT	300	1.500	
4463	464	Vũ Thị Sùu		01/01/34	270260451	013 Tổ 1, ấp 1B	CT	300	1.500	
4464	465	Vũ Thị Tình		1932	272107445	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4465	466	Vũ Thị Vy		00/00/1931	270246149	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4466	467	Vũ Văn Hòa	01/01/36			Tổ 2, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4467	468	Vũ Văn Minh	01/01/36		380145697	Long Phú	CT	300	1.500	
		XÃ PHƯỚC BÌNH								
4468	1	Lê Diệp Băng		09/05/12		Ấp 3	TEMC	450	1.500	
4469	2	Lê Hoàng Triệu Khang	08/23/09			Ấp 3	TEMC	450	1.500	
4470	3	Nguyễn Hoài Minh Phương	10/05/09			Tổ 7, Ấp 1	TEMC	450	1.500	
4471	4	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân		04/20/06		Ấp 5	TEMC	450	1.500	
4472	5	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		09/02/08		Ấp 1	TEMC	450	1.500	
4473	6	Lê Thị Hồng		01/01/59	270246709	Tổ 7, Ấp 1, Phước Bình	GCD<80T	450	1.500	
4474	7	Trần Thị Lốp		01/01/26	272628535	Ấp 6	GCD>80T	600	1.500	
4475	8	Dương Thị Bạch		01/01/63		Ấp 6	KTN	450	1.500	
4476	9	Dương Thị Hảo		01/01/74		Tổ 10, Ấp 6	KTN	450	1.500	
4477	10	Dương Thị Hằng		01/01/66	312084209	Tổ 9, ấp 6	KTN	450	1.500	
4478	11	Đào Thị Mèo		01/01/64	270246567	Ấp 6	KTN	450	1.500	
4479	12	Đào Thị Phương		01/01/70	270863710	Ấp 6	KTN	450	1.500	
4480	13	Đào Văn Hòa	02/03/90		272117174	Ấp 6	KTN	450	1.500	
4481	14	Đào Văn Hoàng	07/27/85		271649414	Tổ 10, Ấp 6	KTN	450	1.500	
4482	15	Đào Xuân Lâm	12/26/83		272181566	Ấp 1	KTN	450	1.500	
4483	16	Đinh Quang Nhật	25/9/1999			ấp 6	KTN	450	1.500	
4484	17	Đỗ Duy Thiện	09/10/83		391980039	Tổ 8, Ấp 5	KTN	450	1.500	
4485	18	Hồ Thị Diệu Xuân		10/10/86	272078982	Ấp 5	KTN	450	1.500	
4486	19	Lê Thế Việt	00/00/1992		272592810	Tổ 8, Ấp 5	KTN	450	1.500	
4487	20	Nguyễn Duy Cường	04/23/71		270990765	Ấp 2	KTN	450	1.500	
4488	21	Nguyễn Thanh Huy	1981		271542008	Ấp 2	KTN	450	1.500	
4489	22	Nguyễn Thị Hiền		11/20/78	272274000	Tổ 5, Ấp 4	KTN	450	1.500	
4490	23	Nguyễn Thị Nguyệt		04/05/89	272165781	Ấp 5	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4491	24	Nguyễn Thị Nhung		01/01/75	205365295	Áp 6	KTN	450	1.500	
4492	25	Nguyễn Văn Hoàng	00/00/1978		271645079	Áp 1	KTN	450	1.500	
4493	26	Phạm Thị Yên		08/23/74	271697719	Áp 7	KTN	450	1.500	
4494	27	Tô Thị Kim Yến		1973	271099869	Áp 2	KTN	450	1.500	
4495	28	Từ Bá Vàng	08/12/97		Tâm thần	Áp 6	KTN	450	1.500	
4496	29	Thái Công Tâm	00/00/1968		271099949	Áp 2	KTN	450	1.500	
4497	30	Trần Nhị Lang Khuê		06/10/96		Áp 2	KTN	450	1.500	
4498	31	Trần Thái Dũng	01/01/75			áp 1	KTN	450	1.500	
4499	32	Trần Thị Thu Thảo		04/10/73		áp 5	KTN	450	1.500	
4500	33	Trịnh Thị Hằng		06/12/89	272923149	Tổ 3, Áp 3	KTN	450	1.500	
4501	34	Võ Minh Phương	04/19/89		271976269	Áp 5	KTN	450	1.500	
4502	35	Võ Thị Thảo		00/00/1981		Áp 1	KTN	450	1.500	
4503	36	Lê Nguyễn Đông Nghi		05/23/10		Áp 2	KTNTE	600	1.500	
4504	37	Lê Nguyễn Quốc Trung	10/16/05			Áp 2	KTNTE	600	1.500	
4505	38	Nguyễn Anh Quân	12/04/12			Áp 3, Phước Bình	KTNTE	600	1.500	
4506	39	Nguyễn Huyền Tâm Như		08/17/12		Áp 5	KTNTE	600	1.500	
4507	40	Nguyễn Minh Chung	11/22/08			Áp 1	KTNTE	600	1.500	
4508	41	Nguyễn Phước Ân	01/04/07			Tổ 8, Áp 3, Phước Bình	KTNTE	600	1.500	
4509	42	Trần Đăng Trung	02/06/08			Áp 7	KTNTE	600	1.500	
4510	43	Trần Gia Hiền	09/11/14			Áp 2	KTNTE	600	1.500	
4511	44	Bùi Văn Ước	12/02/50		270246361	Áp 1, Phước Bình	KTNCT	600	1.500	
4512	45	Đinh Văn Thúc	03/10/59		272117191	Áp 6	KTNCT	600	1.500	
4513	46	Đỗ Thị Cúc		23/03/1956	272065363	Tổ 4, Áp 5	KTNCT	600	1.500	
4514	47	Hồ Thị Lịch		01/01/54	270284231	Áp 2, Phước Bình	KTNCT	600	1.500	
4515	48	Lại Văn Lạc	01/01/57		270873205	Tổ 5, Áp 5	KTNCT	600	1.500	
4516	49	Lê Thanh Sơn	20/6/1956		173610290	áp 2	KTNCT	600	1.500	
4517	50	Lê Văn Lê	00/00/1934		272107718	Áp 2	KTNCT	600	1.500	
4518	51	Lê Xuân Lý	01/01/38		272604810	Áp 2	KTNCT	600	1.500	
4519	52	Nguyễn Văn Lành	01/01/56		270265363	áp 2	KTNCT	600	1.500	
4520	53	Phạm Văn Lợi	00/00/1960		272210652	Áp 4	KTNCT	600	1.500	
4521	54	Phan Thái Hoài	01/01/58		270263032	Áp 5, Phước Bình	KTNCT	600	1.500	
4522	55	Trần Văn Nguyên	02/01/41		270248890	Áp 4	KTNCT	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4523	56	Đào Thanh Nghĩa	01/01/85			ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4524	57	Đinh Văn Hà	14/4/2000			ấp 6	KTD BN	600	1.500	
4525	58	Hoàng Thị Liên		07/06/68		ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4526	59	Hồ Thị Mỹ Phụng		09/9/1991	272211135	Tổ 1, Ấp 3	KTD BN	600	1.500	
4527	60	Hồ Thị Phi		04/30/72	272383962	ấp 7	KTD BN	600	1.500	
4528	61	Huyền Minh Thiện	04/17/68		272065772	ấp 4	KTD BN	600	1.500	
4529	62	Huyền Ngọc Hiền	10/06/92			ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4530	63	Huyền Ngọc Tiệp	09/15/85			ấp 2	KTD BN	600	1.500	
4531	64	Huyền Thị Trúc Duyên		11/02/86		ấp 6	KTD BN	600	1.500	
4532	65	Lê Cường Nhật	8/6/1990		272052855	Tổ 1, Ấp 3	KTD BN	600	1.500	
4533	66	Lương Hoài Nhân	07/11/1990		272274017	ấp 2	KTD BN	600	1.500	
4534	67	Ngô Thị Kim Lanh		1994		ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4535	68	Nguyễn Ngọc Quý	00/00/1962		270246555	ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4536	69	Nguyễn Phúc Hậu	15/9/2000			ấp 2	KTD BN	600	1.500	
4537	70	Nguyễn Thanh Ân	07/20/94		272673251	ấp 7	KTD BN	600	1.500	
4538	71	Nguyễn Thành Kiệt	07/13/92			ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4539	72	Nguyễn Thị Giới		01/01/62	271307529	Ấp 1, Phước Bình	KTD BN	600	1.500	
4540	73	Nguyễn Thị Huệ		01/01/67	272605996	ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4541	74	Nguyễn Thị Nhung	06/20/81		272950737	ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4542	75	Nguyễn Thị Thùy		01/01/71		ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4543	76	Nguyễn Văn Lông	1963			ấp 2	KTD BN	600	1.500	
4544	77	Nguyễn Văn Lộc	01/01/73		272514676	ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4545	78	Nguyễn Văn Trung	09/27/75			ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4546	79	Phạm Dân Lộc	11/05/67			ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4547	80	Tô Thị Cẩm Tú		10/21/98		ấp 5	KTD BN	600	1.500	
4548	81	Trần Hoàng Quý	11/11/01			Tổ 8, Ấp 6	KTD BN	600	1.500	
4549	82	Trần Ngọc Trang		1979	271345127	ấp 6	KTD BN	600	1.500	
4550	83	Trần Thị Mỹ Hạnh		07/07/86	271996952	ấp 3	KTD BN	600	1.500	
4551	84	Trần Thị Thuý		06/10/62	272065547	ấp 2	KTD BN	600	1.500	
4552	85	Trương Văn Diệu Thiện	02/28/76		217397700	ấp 3	KTD BN	600	1.500	
4553	86	Võ Kim Tánh	12/31/85			ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4554	87	Võ Thành Luật	09/17/96		272514747	342 Tổ 10, Ấp 1	KTD BN	600	1.500	
4555	88	Dương Thị Tú		01/01/60	271345561	ấp 2	KTD BNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4556	89	Đào Xuân Cù	06/10/39		271877402	Áp 1	KTĐBNCT	750	1.500	
4557	90	Hà Thị Hạnh		01/01/45	272657219	Áp 5	KTĐBNCT	750	1.500	
4558	91	Huỳnh Nhiều	11/22/47		272065569	Tổ 6, Áp 2	KTĐBNCT	750	1.500	
4559	92	Huỳnh Thị Sơn	00/00/1948		272067000	Áp 1	KTĐBNCT	750	1.500	
4560	93	Huỳnh Văn Bé	01/01/31		270260122	áp 1	KTĐBNCT	750	1.500	
4561	94	Nguyễn Thị Dương		01/01/44	272370932	Áp 2	KTĐBNCT	750	1.500	
4562	95	Nguyễn Thị Tố Nga		01/01/1956	270248762	Áp 3	KTĐBNCT	750	1.500	
4563	96	Nguyễn Thị Xúc		01/01/28	161428495	áp 1	KTĐBNCT	750	1.500	
4564	97	Phạm Trường Thịnh	12/25/58		271779747	Áp 6	KTĐBNCT	750	1.500	
4565	98	Trương Thị Bảy		01/01/37	271886036	Tổ 8, Áp 5	KTĐBNCT	750	1.500	
4566	99	Võ Thị Ngàn		01/01/33	272117248	Áp 6	KTĐBNCT	750	1.500	
4567	100	Võ Văn Bé	00/00/1949		270246780	Áp 1	KTĐBNCT	750	1.500	
4568	101	Hà Tấn Phát	10/04/07			Áp 6	KTĐBNTE	750	1.500	
4569	102	Huỳnh Thị Tường Vy		02/20/12		Áp 1	KTĐBNTE	750	1.500	
4570	103	Lại Văn Phúc	10/22/04			Tổ 4, Áp 5	KTĐBNTE	750	1.500	
4571	104	Lê Hồng Nhung		05/11/2004		Áp 1	KTĐBNTE	750	1.500	
4572	105	Lê Thiên Nhã Ca		03/19/09		Áp 3	KTĐBNTE	750	1.500	
4573	106	Ngô Đức Việt	02/13/12			Áp 3	KTĐBNTE	750	1.500	
4574	107	Ngô Gia Huy	04/25/09			Áp 5	KTĐBNTE	750	1.500	
4575	108	Nguyễn Kế Toàn	02/17/09			Tổ 4, Áp 3	KTĐBNTE	750	1.500	
4576	109	Nguyễn Mậu An Phúc		04/15/17		Tổ 1, Áp 3	KTĐBNTE	750	1.500	
4577	110	Nguyễn Quang Nhật	06/03/13			Áp 2, Phước Bình	KTĐBNTE	750	1.500	
4578	111	Nguyễn Thị Hồng Phúc		07/10/07		áp 6	KTĐBNTE	750	1.500	
4579	112	Phạm Hà Quốc An	06/27/07			Áp 2	KTĐBNTE	750	1.500	
4580	113	Trần Đình Khang	08/16/13			Áp 1	KTĐBNTE	750	1.500	
4581	114	Trần Thị Yến Phi		09/29/11		Tổ 3, Áp 7	KTĐBNTE	750	1.500	
4582	115	Bùi Thị Xuân Hoa		12/12/36	272117094	Áp 5	CT	300	1.500	
4583	116	Dương Lành	01/01/28		271094343	áp 7	CT	300	1.500	
4584	117	Dương Năm	07/07/37		271348125	Áp 3	CT	300	1.500	
4585	118	Dương Quang Vinh	06/12/39		272065647	Áp 3	CT	300	1.500	
4586	119	Dương Thị Út		01/01/40	270263117	Áp 6, Phước Bình	CT	300	1.500	
4587	120	Dương Văn Phát	01/01/37		272274035	Áp 6	CT	300	1.500	
4588	121	Đặng Thị A		08/12/32	020090246	Áp 6	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4589	122	Đặng Văn Đá	11/10/36		270248612	Ấp 3	CT	300	1.500	
4590	123	Đặng Văn Giai	00/00/1922		270248975	Ấp 5	CT	300	1.500	
4591	124	Đặng Văn Nho	01/01/40		270889139	Ấp 7, Phước Bình	CT	300	1.500	
4592	125	Đinh Thị Cường		07/04/36	272065619	Ấp 2	CT	300	1.500	
4593	126	Đinh Thị Chè		1933	160750844	Ấp 7	CT	300	1.500	
4594	127	Đinh Văn Phien	01/01/34		270248815	Ấp 3	CT	300	1.500	
4595	128	Đỗ Thị Lát		00/00/1930	170400019	Ấp 6	CT	300	1.500	
4596	129	Đỗ Thị Thanh		09/14/39	270252149	Ấp 1	CT	300	1.500	
4597	130	Hồ Công Anh	06/14/31		272065901	Ấp 5	CT	300	1.500	
4598	131	Hồ Công Thành	01/01/39		352042719	Tổ 2, Ấp 2	CT	300	1.500	
4599	132	Hồ Đức Ngân	00/00/1931		272117306	Ấp 6	CT	300	1.500	
4600	133	Huỳnh Mai Suong		1930	210620490	Ấp 2	CT	300	1.500	
4601	134	Huỳnh Quế	02/12/26		272468229	Ấp 6	CT	300	1.500	
4602	135	Huỳnh Thị Cúc		01/01/35	272117305	255 tổ 8, Ấp 6	CT	300	1.500	
4603	136	Huỳnh Thị Du		01/01/38	270599914	Ấp 1, Phước Bình	CT	300	1.500	
4604	137	Huỳnh Thị Nguyên		01/01/39	272983985	Ấp 6	CT	300	1.500	
4605	138	Huỳnh Thị Nhân		03/04/39	272985938	Ấp 3	CT	300	1.500	
4606	139	Huỳnh Văn Dương	01/01/30		272383957	Ấp 1	CT	300	1.500	
4607	140	Huỳnh Văn Tươi	01/01/40		272086413	Ấp 6, Phước Bình	CT	300	1.500	
4608	141	Huỳnh Văn Y	01/05/38		272065707	Ấp 4, Phước Bình	CT	300	1.500	
4609	142	Hứa Văn Dục	1933		270265138	Ấp 2	CT	300	1.500	
4610	143	Lâm Thị Khương		01/01/36	250150926	Tổ 2, ấp 6	CT	300	1.500	
4611	144	Lê Thị Bé		01/01/1937	271401220	Ấp 1	CT	300	1.500	
4612	145	Lê Thị Là		01/01/36	270220095	Ấp 1	CT	300	1.500	
4613	146	Lê Thị Lâm		01/01/37	272435174	Ấp 6	CT	300	1.500	
4614	147	Lê Thị Mạnh		01/01/38	272117240	Ấp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	
4615	148	Lê Thị Nam		1921	272317581	Ấp 7	CT	300	1.500	
4616	149	Lê Thị Nghĩa		12/21/34	272065868	Ấp 5	CT	300	1.500	
4617	150	Lê Thị Nguyên		00/00/1930	272435831	Ấp 3	CT	300	1.500	
4618	151	Lê Thị Thới		01/01/30	270631993	Ấp 6	CT	300	1.500	
4619	152	Lê Văn Hiền	05/05/36		271177386	Tổ 7, ấp 6	CT	300	1.500	
4620	153	Lưu Bá Nho	01/01/40		271094345	Ấp 1, Phước Bình	CT	300	1.500	
4621	154	Mai Thị Thông		01/01/1937	270283302	Ấp 7	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4622	155	Ngô Thị Cánh		00/00/1928	270248827	ấp 5	CT	300	1.500	
4623	156	Ngô Thị Mai		01/01/40	272383064	Áp 4, Phước Bình	CT	300	1.500	
4624	157	Nguy Hón Tinh	02/10/34		272117061	Áp 3	CT	300	1.500	
4625	158	Nguyễn Bá Yên	02/10/27		272434517	ấp 5	CT	300	1.500	
4626	159	Nguyễn Dầy	10/10/37		272062475	Áp 1, Phước Bình	CT	300	1.500	
4627	160	Nguyễn Điện	01/01/39		270248832	Áp 5	CT	300	1.500	
4628	161	Nguyễn Hội	14/5/1937		210542314	Áp 3	CT	300	1.500	
4629	162	Nguyễn Lạch	10/07/38		270263301	Áp 6	CT	300	1.500	
4630	163	Nguyễn Minh Du	01/01/26		272065926	ấp 6	CT	300	1.500	
4631	164	Nguyễn Ngọc Đê	04/14/33		276061137	Áp 5	CT	300	1.500	
4632	165	Nguyễn Ngọc Trân	03/03/37		272115037	Áp 3	CT	300	1.500	
4633	166	Nguyễn Ôn	01/01/31		270263254	ấp 1	CT	300	1.500	
4634	167	Nguyễn Phường	01/01/30		271554582	ấp 6	CT	300	1.500	
4635	168	Nguyễn Quang Bốn	01/01/34		270252013	Áp 5	CT	300	1.500	
4636	169	Nguyễn Thanh	01/01/1937		272065986	Áp 5	CT	300	1.500	
4637	170	Nguyễn Thị Ái		08/12/37		Áp 5	CT	300	1.500	
4638	171	Nguyễn Thị Ba		01/01/37	310169046	Áp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	
4639	172	Nguyễn Thị Bé		1933	270246481	Áp 5	CT	300	1.500	
4640	173	Nguyễn Thị Bé		00/00/1935	020107672	Tổ 5, Áp 1	CT	300	1.500	
4641	174	Nguyễn Thị C		05/15/36	272514707	Áp 2	CT	300	1.500	
4642	175	Nguyễn Thị Cúc		10/10/33	270265078	Áp 5	CT	300	1.500	
4643	176	Nguyễn Thị Đảo		01/01/1937	272117356	Áp 2	CT	300	1.500	
4644	177	Nguyễn Thị Đậu		01/01/39	270248600	Áp 6	CT	300	1.500	
4645	178	Nguyễn Thị Đê		06/13/38	270248844	Áp 2	CT	300	1.500	
4646	179	Nguyễn Thị Dũng		01/01/38	270265156	Áp 4, Phước Bình	CT	300	1.500	
4647	180	Nguyễn Thị Dương		01/01/30	272065712	ấp 2	CT	300	1.500	
4648	181	Nguyễn Thị Hà		04/30/40	271950407	Áp 4, Phước Bình	CT	300	1.500	
4649	182	Nguyễn Thị Hai		01/01/40	270265122	Áp 3, Phước Bình	CT	300	1.500	
4650	183	Nguyễn Thị Hiền		01/01/36	271904422	Áp 2	CT	300	1.500	
4651	184	Nguyễn Thị Khuyên		06/10/39	270265096	Áp 1	CT	300	1.500	
4652	185	Nguyễn Thị Một		00/00/1931	270265112	ấp 2	CT	300	1.500	
4653	186	Nguyễn Thị Nghê		01/01/29	272117030	ấp 2	CT	300	1.500	
4654	187	Nguyễn Thị Nhan		01/01/34	272628039	Áp 5	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4655	188	Nguyễn Thị Tâm		04/06/40	272383730	Ấp 6, Phước Bình	CT	300	1.500	
4656	189	Nguyễn Thị Tư		01/01/1937	272065587	Ấp 4	CT	300	1.500	
4657	190	Nguyễn Thị Trà		10/04/29	270631745	Ấp 2	CT	300	1.500	
4658	191	Nguyễn Văn Bé	01/01/40		270260164	Ấp 1, Phước Bình	CT	300	1.500	
4659	192	Nguyễn Văn Ích	01/01/28		271560813	Ấp 1	CT	300	1.500	
4660	193	Nguyễn Văn Minh		01/01/1937	270263201	Tổ 7, Ấp 2	CT	300	1.500	
4661	194	Nguyễn Văn Ngọc	00/00/1935		270065957	Ấp 5	CT	300	1.500	
4662	195	Nguyễn Văn Ngộ	00/00/1935		272065780	Ấp 5	CT	300	1.500	
4663	196	Nguyễn Văn Thọ	10/15/34		270252148	Tổ 7, Ấp 1	CT	300	1.500	
4664	197	Phạm Đào	02/02/40		250522429	Ấp 2, Phước Bình	CT	300	1.500	
4665	198	Phạm Phước Phú	01/01/39		270255959	Ấp 2	CT	300	1.500	
4666	199	Phạm Thị Bình Cách		00/00/935	270263007	Tổ 1, Ấp 5	CT	300	1.500	
4667	200	Phạm Thị Gùng		02/05/31	272117060	Ấp 5	CT	300	1.500	
4668	201	Phạm Thị Lê		01/01/39	270248613	Ấp 3	CT	300	1.500	
4669	202	Phạm Thị Mai		01/01/30	260204514	Ấp 5	CT	300	1.500	
4670	203	Phạm Thị Tâm		12/08/26	010275783	Ấp 6	CT	300	1.500	
4671	204	Phạm Thị Tuy		04/02/40	272085736	Ấp 3, Phước Bình	CT	300	1.500	
4672	205	Phạm Thị Tươi		01/01/33	270268411	Ấp 2	CT	300	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4673	206	Phạm Thị Thanh		1933	270263202	Ấp 5	CT	300	1.500	
4674	207	Phạm Thị Thêm		01/01/39	271905463	Ấp 5	CT	300	1.500	
4675	208	Phạm Thị Thoi		01/01/1937	270265064	Ấp 2	CT	300	1.500	
4676	209	Phạm Thị Xây		00/00/1935	270863827	Tổ 3, Ấp 2	CT	300	1.500	
4677	210	Phạm Văn Út	01/01/29		270263237	Ấp 6	CT	300	1.500	
4678	211	Phạm Đình Huê	03/14/31		272117397	Ấp 6	CT	300	1.500	
4679	212	Phạm Thị Hiền		03/10/30	180538921	Ấp 3	CT	300	1.500	
4680	213	Phan Thị Sinh		01/01/34	270246703	Tổ 7, Ấp 1	CT	300	1.500	
4681	214	Tiêu Văn Cua	01/01/38		270932316	Tổ 1, Ấp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	
4682	215	Tôn Nữ Thị Vê		03/01/29	272824997	Tổ 2, Ấp 52	CT	300	1.500	
4683	216	Thái Thị Kiên		00/00/1931	270250847	Ấp 1	CT	300	1.500	
4684	217	Trần Hiền	01/01/30		272065924	Ấp 5	CT	300	1.500	
4685	218	Trần Ngọc Diệp	02/02/40		272117309	Ấp 7, Phước Bình	CT	300	1.500	
4686	219	Trần Thêm	01/01/40		272065879	Ấp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4687	220	Trần Thị Chanh		1932	181290835	Áp 3	CT	300	1.500	
4688	221	Trần Thị Chín		01/01/38	270259751	Áp 3, Phước Bình	CT	300	1.500	
4689	222	Trần Thị Hai		01/01/39	270263296	Áp 6	CT	300	1.500	
4690	223	Trần Thị Hiệu		02/01/40	272117002	Áp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	
4691	224	Trần Thị Hội		01/01/40	270252043	Áp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	
4692	225	Trần Thị Hương		1/1/1940	272065849	Tổ 2, Áp 3, Phước Bình	CT	300	1.500	
4693	226	Trần Thị Lợi		1917	210255765	áp 1	CT	300	1.500	
4694	227	Trần Thị Mèo		06/3/1937	270255968	Áp 2	CT	300	1.500	
4695	228	Trần Thị Nừa		01/01/38		Áp 4, Phước Bình	CT	300	1.500	
4696	229	Trần Thị Phụng		00/00/1928		áp 2	CT	300	1.500	
4697	230	Trần Thị Tâm		01/01/38	272065513	Áp 4, Phước Bình	CT	300	1.500	
4698	231	Trần Thị Thước		01/01/40	272065535	Tổ 7, Áp 2, Phước Bình	CT	300	500	Chết 15/4/2020
4699	232	Trần Thị Trúc		07/5/1937	272117311	Áp 7	CT	300	1.500	
4700	233	Trần Văn Át	00/00/1931		272065741	áp 3	CT	300	1.500	
4701	234	Trần Văn Cảnh	01/01/1937		270265016	Áp 2	CT	300	1.500	
4702	235	Trần Văn Có	01/01/39		272117357	Áp 6	CT	300	1.500	
4703	236	Trần Văn Nguyên	01/5/1937		270248890	Áp 3	CT	300	1.500	
4704	237	Trịnh Đình Ty	20/02/1937		272113307	Áp 6	CT	300	1.500	
4705	238	Trịnh Thị Sáng		01/01/38	272117144	Áp 6, Phước Bình	CT	300	1.500	
4706	239	Trương Đình Trọng	02/10/40		272052027	Áp 1, Phước Bình	CT	300	1.500	
4707	240	Trương Quang Miên	04/10/39		272065576	Áp 2	CT	300	1.500	
4708	241	Trương Thị Tịnh		01/01/35	272741521	Áp 1	CT	300	1.500	
4709	242	Trương Văn Lư	01/01/26		270246311	áp 6	CT	300	1.500	
4710	243	Võ Ngọc Ba	01/01/39		272065875	Áp 5	CT	300	1.500	
4711	244	Võ Tấn Hạnh	10/10/38		272117224	Áp 6	CT	300	1.500	
4712	245	Võ Thị Đào		11/11/32	271932553	Áp 1	CT	300	1.500	
4713	246	Võ Thị Hít		1932	272115015	Áp 2	CT	300	1.500	
4714	247	Võ Thị Thu		01/01/38	272065919	Áp 5, Phước Bình	CT	300	1.500	
4715	248	Võ Thị Thừa		01/01/40	272514556	Áp 3, Phước Bình	CT	300	1.500	
4716	249	Vòng Nhì Múi		01/01/37	270863168	áp 1	CT	300	1.500	
4717	250	Vũ Thị Loan		1933	272225441	Áp 5	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4718	251	Vũ Thị Mùi		1/1/1939	272117105	Ấp 5	CT	300	1.500	
4719	252	Vũ Văn Cam	1932		272416912	Ấp 7	CT	300	1.500	
		Cộng							7.015.400	

Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm mười lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng./.

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2020

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp